



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 04 tháng 10 năm 2021

THƯ MỜI THẦU

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) tổ chức đấu thầu gói thầu “Mua sắm thiết bị định tuyến, chuyển mạch cho các đơn vị kinh doanh SHB”. Trân trọng kính mời Quý Công ty tham dự chào thầu cho gói thầu nêu trên.

Quý Công ty có thể tìm hiểu thêm các thông tin cần thiết trong Hồ sơ mời thầu kèm theo. Hồ sơ dự thầu được đóng thùng kín có niêm phong và gửi đến địa chỉ Trung tâm Mua sắm Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, tầng 3, Toà nhà 81 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Thời gian nộp hồ sơ dự thầu: Trước 15h ngày 18 / 10 /2021.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ông Nguyễn Anh Dũng – Phòng Đấu thầu-Trung tâm Mua sắm

- Điện thoại: 02438223838, máy lẻ 2929.

- Điện thoại di động: 0976365688.

Trân trọng kính mời./.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Chu Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

GÓI THẦU

MUA SẴM THIẾT BỊ ĐỊNH TUYỂN, CHUYÊN MẠCH CHO CÁC ĐƠN VỊ KINH
DOANH SHB

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Chu Hà

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VND	Đồng Việt Nam
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Hàng hóa	Là các thiết bị định tuyến, chuyển mạch

PHẦN I

YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU

CHƯƠNG I

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

A. TỔNG QUÁT

Điều 1. Thông tin đấu thầu

1. SHB mời nhà thầu tham gia đấu thầu để Mua sắm thiết bị định tuyến, chuyển mạch cho các đơn vị kinh doanh SHB (sau đây gọi tắt là "Hàng hóa"), tên gói thầu được mô tả trong BDL.

2. Thông tin chủ đầu tư: Thông tin về chủ đầu tư, địa chỉ trụ sở, mã số thuế, nơi nhận hồ sơ dự thầu được mô tả trong BDL.

Điều 2. Phương thức đấu thầu

SHB tổ chức đấu thầu theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, cụ thể:

Nhà thầu nộp hồ sơ kỹ thuật, tài chính vào một túi hồ sơ dự thầu.

Các tài liệu cần thiết trong hồ sơ dự thầu theo BDL

Điều 3. Điều kiện tham gia đấu thầu

1. Có tư cách hợp lệ như quy định trong BDL;

2. Chỉ được tham gia trong một HSDT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh, trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu;

3. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh nhưng phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc đảm nhận thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu như quy định trong BDL.

Điều 4. Tính hợp lệ của hàng hóa

Tất cả các hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, được quy định trong BDL.

Điều 5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi nhận HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

Điều 6. HSMT và giải thích làm rõ HSMT

1. HSMT bao gồm các nội dung được nêu tại các phần, chương, điều khoản và BDL của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến SHB theo địa chỉ và thời gian ghi trong BDL (hoặc gửi qua e-mail). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMT theo thời gian quy định trong BDL, SHB sẽ có văn bản (hoặc email) trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu nhận HSMT.

3. Trong trường hợp cần thiết, SHB tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được SHB ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi cho tất cả nhà thầu nhận HSMT.

Điều 7. Sửa đổi HSMT

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi cung cấp hoặc điều chỉnh yêu cầu nào đó, SHB sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMT tới tất cả các nhà thầu nhận HSMT được quy định trong BDL. Tài liệu này là một phần của HSMT.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng

Ngôn ngữ được sử dụng trong các tài liệu của HSDT là tiếng Việt. Các tài liệu sử dụng ngôn ngữ khác phải có bản dịch sang tiếng Việt và bản tiếng Việt là cơ sở pháp lý trong HSDT (tài liệu sử dụng các ngôn ngữ khác chỉ có tính chất tham khảo). Đối với Catalog và các tài liệu kỹ thuật khác có thể sử dụng bằng tiếng Anh.

Điều 9. Nội dung HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm 01 bản gốc + 01 bản sao + usb dữ liệu lưu file mềm hồ sơ dự thầu được đóng niêm phong theo quy định tại Điều 18 của HSMT, bao gồm các nội dung sau:

Đơn dự thầu.

+ Giá dự thầu và biểu giá theo quy định;

+ Thư giảm giá (nếu có)

- + Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;
- + Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa yêu cầu của hồ sơ mời thầu;
- + Giấy tờ chứng minh mối quan hệ với các hãng sản xuất
- + Bảo đảm dự thầu theo quy định của hồ sơ mời thầu;

Các tài liệu kỹ thuật khác liên quan theo yêu cầu hồ sơ mời thầu.

Điều 10. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì phải thông báo bằng văn bản tới SHB. SHB chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo này trước thời điểm đóng thầu.

Điều 11. Đơn dự thầu

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ). Trường hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo giấy ủy quyền để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

Điều 12. Giá dự thầu và biểu giá

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSMT sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu (vận chuyển, giao hàng tại địa chỉ cụ thể, lắp đặt, cài đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng...) và các loại thuế theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSMT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo nộp trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSMT thì nhà thầu phải thông báo cho SHB trước hoặc tại thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể trong biểu giá. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho từng hạng mục trong biểu giá.

3. Nhà thầu phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục hàng hóa và tổng giá dự thầu. Trong mỗi biểu giá, nhà thầu phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào, biểu giá chi tiết theo quy định tại Mục I, Phần III, Chương V HSMT.

Điều 13. Đồng tiền dự thầu

Giá dự thầu sẽ được chào bằng đồng tiền được quy định trong BDL.

Điều 14. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu như quy định trong BDL.

Điều 15. Bảo đảm dự thầu và bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định trong BDL.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ và thời gian quy định trong HSMT, không đúng tên nhà thầu, không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo đảm của ngân hàng).

3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian quy định trong BDL. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả và xử lý theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDT sau khi đóng thầu mà HSDT vẫn còn hiệu lực;

b) Trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của SHB mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng;

5. Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định trong BDL để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Điều 16. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT phải đảm bảo như quy định trong BDL và được tính từ thời điểm đóng thầu; HSDT có thời gian có hiệu lực ngắn hơn bị coi là không hợp lệ và bị loại.

2. SHB có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT nhưng không quá 30 ngày, kèm theo việc yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này sẽ không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Điều 17. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản sao HSDT được quy định trong BDL và ghi rõ "bản gốc" và "bản sao" tương ứng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản sao và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu SHB phát hiện bản sao có lỗi kỹ thuật như nhòe, không rõ chữ, thiếu trang... thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản sao có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy theo mức độ sai khác, SHB sẽ quyết định xử lý cho phù hợp, chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDT thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại.

2. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá, biểu giá chào và các văn bản bổ sung làm rõ HSDT của nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký ở bên cạnh của người ký đơn dự thầu và được đóng dấu (nếu có).

C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 18. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT

1. HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định trong BDL.

2. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của SHB được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. Nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDT vào cùng một túi. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi nhỏ để dễ vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT. SHB sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo chỉ dẫn.

Điều 19. Thời hạn nộp HSDT

1. HSDT được gửi đến địa chỉ của SHB quy định và phải đảm bảo SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định trong BDL.

2. SHB có thể gia hạn thời hạn nộp HSDT (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo Điều 7 HSMT này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi SHB xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDT, SHB thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã nộp HSDT, trong đó ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu sửa lại thời gian có hiệu lực của HSDT và bảo đảm dự thầu nếu thấy cần thiết. Nhà thầu có thể nhận lại và chỉnh sửa HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì SHB quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

Điều 20. HSDT nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào thuộc HSDT kể cả thư giảm giá (nếu có) mà SHB nhận được sau thời điểm đóng thầu đều được coi là không hợp lệ và được gửi trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng, trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của SHB.

Điều 21. Sửa đổi hoặc rút HSDT

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và SHB chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị rút HSDT phải được gửi riêng biệt với HSDT.

D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 22. Mở thầu

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo ngày, giờ, địa điểm quy định trong BDL trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. SHB có thể mời đại diện của các cơ quan có liên quan đến tham dự lễ mở thầu.

2. SHB tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như nhà thầu không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn. HSDT của nhà thầu có văn bản xin rút HSDT đã nộp (nộp riêng biệt với HSDT và SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu) và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Kiểm tra niêm phong HSDT ;

b) Mở HSDT và đọc các thông tin về :

- Tên nhà thầu;

- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

- Giá chào thầu
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Các thông tin khác có liên quan.

4. Biên bản mở thầu: Các thông tin nêu tại Điểm c Khoản 3 phải được ghi trong biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của SHB và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Bản chụp Biên bản mở thầu được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu.

Điều 23. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung về kỹ thuật, tài chính nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Tất cả các tài liệu này (nếu có) phải được đóng tập và thực hiện như đối với HSDT (ký tên, chứng thực, số bản gốc, số bản sao,...). Thời gian cho phép nhà thầu tự giữ hồ sơ bổ sung này không quá 07 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

Bên mời thầu sẽ tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ hợp lệ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự thầu.

3. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

Điều 24. Đánh giá sơ bộ HSDT

I. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu:

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải

thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.

II. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT, gồm:

- a. Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp của hồ sơ dự thầu.
- b. Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu, bao gồm: Đơn dự thầu, thoả thuận liên danh (nếu có), giấy uỷ quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật, đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc hồ sơ dự thầu;
- c. Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:

- a. Có bản gốc hồ sơ dự thầu;
- b. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về mặt kỹ thuật. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thoả thuận liên danh.
- c. Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.
- d. Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; đối với bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh ngân hàng thì phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng tại Việt Nam ký tên, đóng dấu và đảm bảo thời gian hiệu lực và giá trị bảo đảm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
- đ. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).
- e. Có thoả thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu.
- f. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
- h. Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hoá theo quy định tại Điều 4 HSMT;

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1**

3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Chương III

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2**

Điều 25. Đánh giá về mặt kỹ thuật

SHB tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật theo thang điểm.

Chi tiết thang điểm chấm đánh giá theo **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3**

Điều 26. Xác định giá đánh giá

SHB xác định giá đánh giá của các HSDT theo trình tự sau đây: xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thư giảm giá thì SHB sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá trị thầu ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSDT. Các yếu tố để xác định giá đánh giá được nêu tại Chương III HSMT.

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4**.

Điều 27. Sửa lỗi

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học, lỗi khác và được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối với lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác:

- Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;

- Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi.

b) Đối với các lỗi khác:

- Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng;

- Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá;

- Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá

của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Chương này.

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam.

2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, SHB sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho SHB về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại. Trường hợp HSDT có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu cũng sẽ bị loại. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa.

Điều 28. Hiệu chỉnh các sai lệch

1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSDT so với yêu cầu của HSMT cũng như điều chỉnh những khác biệt giữa các phần của HSDT; giữa con số và chữ viết; giữa nội dung trong đơn dự thầu và các phần khác của HSDT. Việc hiệu chỉnh các sai lệch được thực hiện như sau:

a) Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi theo nguyên tắc nếu không thể tách ra trong giá dự thầu của nhà thầu đang tiến hành sửa sai lệch thì lấy mức giá chào cao nhất đối với nội dung này (nếu chào thiếu) và lấy mức giá chào thấp nhất (nếu chào thừa) trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật. Trong trường hợp các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật cũng không có hoặc chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành sửa sai lệch trên cơ sở lấy mức giá của nhà thầu này (nếu có) hoặc của các HSDT hoặc trong dự toán, tổng dự toán hoặc trong giá gói thầu được duyệt theo nguyên tắc lấy mức giá cao nhất (đối với chào thiếu) hoặc thấp nhất (đối với chào thừa) để áp dụng cho các nội dung nêu trên;

b) Trường hợp không nhất quán giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh sai lệch;

c) Trường hợp có sự sai khác giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì được coi đây là sai lệch và việc hiệu chỉnh sai lệch này được căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết.

2. HSDT có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu sẽ bị loại. Giá trị các sai lệch được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi hiệu chỉnh sai lệch.

E. TRÚNG THẦU

Điều 29. Điều kiện được xem xét trúng thầu:

1. Có HSDT hợp lệ (Theo bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1);
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của HSMT (Theo bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2);
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT (Theo bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3);
4. Có sai lệch không quá 10% giá dự thầu;
5. Có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có) thấp nhất.

Điều 30. Quyền của bên mời thầu được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các HSDT

SHB được quyền đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu nếu không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu hoặc SHB thay đổi kế hoạch không có nhu cầu đầu tư mua sắm thiết bị nữa.

Điều 31. Thông báo kết quả đấu thầu

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, SHB gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu cho các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Trong thông báo kết quả đấu thầu, SHB không phải giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu.

Điều 32. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng được thực hiện như sau:

1. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng căn cứ theo các nội dung sau:

- Kết quả đấu thầu được duyệt;
- Dự thảo hợp đồng đã được điền đầy đủ thông tin cụ thể của gói thầu;
- Các yêu cầu nêu trong HSMT;
- Các nội dung nêu trong HSDT và giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa SHB và nhà thầu trúng thầu.

2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu, nhà thầu trúng thầu phải gửi cho SHB thư chấp thuận thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu SHB không nhận được thư chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối thương thảo, hoàn thiện hợp đồng thì bảo đảm dự thầu của nhà thầu này sẽ bị xử lý theo quy định. Đồng thời, SHB sẽ báo cáo đến cấp có thẩm quyền quyết định hủy kết quả đấu thầu trước đó và xem xét, quyết định nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để mời vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được SHB yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT và bảo đảm dự thầu nếu cần thiết.

3. Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh, đặc biệt là việc áp giá đối với những sai lệch trong HSDT trên nguyên tắc đảm bảo giá ký hợp đồng không vượt giá trúng thầu được duyệt. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc nghiên cứu các sáng kiến, giải pháp do nhà thầu đề xuất, phương án thay thế (nếu có yêu cầu), chi tiết hoá các nội dung còn chưa cụ thể, ...

4. Sau khi đạt được kết quả thương thảo, hoàn thiện, SHB và nhà thầu sẽ tiến hành ký hợp đồng.

CHƯƠNG II

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

Bảng dữ liệu đầu thầu bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số Điều tương ứng trong Chương I (Chỉ dẫn đối với nhà thầu). Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương I thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.

Điều	Khoản	Nội dung
1	1	Tên gói thầu: “Mua sắm thiết bị định tuyến, chuyển mạch cho các đơn vị kinh doanh SHB”
	2	Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) Địa chỉ trụ sở: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Mã số thuế: 1800278630 <u>Nơi nhận hồ sơ dự thầu:</u> Trung tâm Mua sắm, Tầng 3- số 81 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Người liên hệ: Nguyễn Anh Dũng Điện thoại: 02438223838-2929, Mobile: 0976365688
2		Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu bao gồm các tài liệu sau: + Đơn dự thầu. + Giá dự thầu và biểu giá theo quy định; + Thư giảm giá (nếu có) + Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; + Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa yêu cầu của hồ sơ mời thầu; + Giấy tờ chứng minh mối quan hệ với các hãng sản xuất + Bảo đảm dự thầu theo quy định của hồ sơ mời thầu; + Các tài liệu kỹ thuật khác liên quan theo yêu cầu hồ sơ mời thầu.
3	1	Tư cách hợp lệ của nhà thầu: Nhà thầu phải có đủ các điều kiện sau: - Nhà thầu phải nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. - Hạch toán tài chính độc lập; - Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; - Không thuộc diện bị cấm tham gia đầu thầu theo quy định của Luật Đầu thầu. - Trường hợp liên danh: Ngoài việc từng nhà thầu nộp các giấy tờ như quy định đối với nhà thầu độc lập, nhà thầu liên danh phải nộp kèm theo văn bản thỏa thuận liên danh giữa các nhà thầu được ký bởi đại diện hợp pháp của các nhà thầu trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng nhà thầu đối với gói thầu. - Có giấy tờ chứng minh tư cách hợp pháp của người đại diện nhà thầu trong đơn dự

Điều	Khoản	Nội dung
		thầu.
	4	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: Nhà thầu tham gia đấu thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính với SHB (Trường hợp liên danh thì từng nhà thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính). Nhà thầu cần xem kỹ mọi hướng dẫn, mẫu khai, thời hạn và các thông tin khác trong HSMT. HSDT của Nhà thầu có thể bị loại nếu không cung cấp đủ thông tin cần thiết hay nếu hồ sơ đó về cơ bản không đạt yêu cầu của HSMT.
4		Hàng hóa được coi là hợp lệ khi đáp ứng các yêu cầu sau: - Các thiết bị là đồng bộ, đảm bảo là hàng mới 100% và chưa qua sử dụng. Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2020 hoặc 2021 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ ngày chào giá và ngừng hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật trong vòng ít nhất 08 năm (<i>có kèm theo tài liệu chứng minh của hãng hoặc thư xác nhận của hãng</i>) - Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ) cấp cho SHB, chứng nhận xuất xứ hàng hóa(CO) kèm theo: Serial Number, Phiếu bảo hành...của chính hãng. - Các thiết bị và bản quyền phần mềm cung cấp theo gói thầu phải đảm bảo thời gian bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật 12 tháng. - Xuất xứ hàng hóa: Singapore, Malaysia, Mỹ, Nhật Bản, G7, các nước châu Âu và khu vực Trung Đông.
6	2	Địa chỉ nhận văn bản đề nghị giải thích, làm rõ: Nêu tại Điều 1 Khoản 2 BDL. Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích không muộn hơn 05 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu.
7	1	SHB có quyền sửa đổi HSMT bằng cách phát hành phần bổ sung với bất kỳ lý do nào và tại bất kỳ thời điểm nào trước hạn nộp HSDT hoặc sau thời điểm đóng thầu (nếu chưa tiến hành mở hồ sơ dự thầu). Tất cả các bên tham gia đấu thầu đều được thông báo về phần bổ sung bằng văn bản và họ sẽ bị ràng buộc bởi phần bổ sung này. Để nhà thầu có đủ thời gian điều chỉnh HSDT thích ứng với phần sửa đổi, SHB sẽ gia hạn thời gian nộp HSDT, nếu cần thiết.
13	1	Đồng tiền dự thầu: Việt Nam đồng (VND).

Điều	Khoản	Nội dung
14	1	Năng lực và kinh nghiệm: Nhà thầu phải đáp ứng hoặc cung cấp các tài liệu sau nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm: <u>*Năng lực cung cấp, triển khai</u> 1. Nhà thầu phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp lắp đặt thiết bị định tuyến, chuyển mạch 2. Nhà thầu liệt kê các hợp đồng đã từng cung cấp thiết bị định tuyến, chuyển mạch có giá trị trên 1 tỷ đồng trở lên đã từng thực hiện. 3. Nhà thầu cung cấp ít nhất 02 hợp đồng (bản sao) cung cấp thiết bị định tuyến, chuyển mạch có giá trị từ 10 tỷ trở lên. 4. Bản sao y giấy phép bán hàng hoặc chứng nhận là đại lý bán hàng hoặc thư hỗ trợ bán hàng và bảo hành của nhà sản xuất cho đơn vị cung cấp; 5. Có tối thiểu 01 chuyên gia và 03 cán bộ là nhân sự đã và đang làm việc tại đơn vị kèm theo hợp đồng lao động, chứng từ đóng bảo hiểm trong 3 tháng gần nhất, chứng chỉ liên quan cụ thể: ▪ 01 chuyên gia triển khai có chứng chỉ CCIE ▪ 03 cán bộ triển khai chứng chỉ CCNA hoặc CCNP 6. Thời gian giao hàng: 08 - 12 tuần kể từ ngày ký hợp đồng. <u>*Năng lực tài chính</u> 7. Báo cáo tình hình tài chính có xác nhận của cơ quan kiểm toán hoặc bản gửi qua cổng thông tin điện tử trong 02 năm gần đây nhất, doanh thu bình quân đạt tối thiểu 30 tỷ đồng/năm và phải có lãi; 8. Bảo đảm dự thầu theo quy định;
15	1	Nội dung yêu cầu về bảo đảm dự thầu: Nhà thầu phải nộp kèm theo HSDT bảo lãnh dự thầu có giá trị là 200.000.000 VND (Hai trăm triệu đồng chẵn). Hiệu lực bảo lãnh: 90 ngày kể từ thời điểm đóng thầu theo quy định Hình thức bảo lãnh: Phát hành thư bảo lãnh hoặc nộp tiền mặt - Trường hợp phát hành thư bảo lãnh: Thư bảo lãnh của một Ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam. - Nộp tiền mặt ký quỹ bảo lãnh dự thầu tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, thông tin tài khoản như sau: Tên tài khoản: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội Số tài khoản: 1012968485 Nội dung nộp tiền: Công ty(ghi rõ tên công ty).... nộp tiền bảo lãnh dự thầu gói thầu Mua sắm thiết bị định tuyến, chuyển mạch cho các đơn vị kinh doanh SHB. - Bảo lãnh dự thầu của nhà thầu trúng thầu sẽ hết hiệu lực khi nhà thầu ký hợp đồng.
	2	- Thời gian hoàn trả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không trúng thầu: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu.

Điều	Khoản	Nội dung
	3	Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện Hợp đồng: - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng: theo kết quả thương thảo, thống nhất giữa hai Bên. - Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: bằng Thư bảo đảm của một Ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá trị Hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng: tối thiểu 120 ngày kể từ khi phát hành. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu nhà thầu muốn gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng thì phải gia hạn thời gian bảo lãnh tương ứng hoặc khi SHB yêu cầu gia hạn nhà thầu phải cam kết thực hiện theo đúng yêu cầu.
16	1	- Thời gian có hiệu lực của HSDT là 60 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.
17	1	- Nhà thầu phải cung cấp 01 bản hồ sơ gốc, 01 bản sao kèm theo USB lưu các file mềm dữ liệu hồ sơ dự thầu có ghi rõ “Hồ sơ bản gốc” hay “Hồ sơ bản sao”. Bản gốc phải được ký nháy ở tất cả các trang bởi người đại diện có thẩm quyền của Nhà thầu; - Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa bản gốc và bản sao, bản gốc có giá trị quyết định. - Đối với USB dữ liệu đề nghị nhà thầu phân tách các file riêng biệt và ghi tiêu đề rõ ràng (Đơn chào giá, bảng chào giá, hợp đồng tương tự, nhân sự triển khai, báo cáo tài chính, đề xuất kỹ thuật...).
18	1	Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT: Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của nhà thầu Tên, địa chỉ bên mời thầu: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) Địa chỉ Trụ sở: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Tên gói thầu: “Mua sắm thiết bị định tuyến, chuyển mạch cho các đơn vị kinh doanh SHB” (Trường hợp sửa đổi HSDT, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ “Hồ sơ dự thầu sửa đổi”)
19	1	-HSDT được đóng thùng kín và gửi đến SHB trước 15h, ngày 18 tháng 10 năm 2021. Hồ sơ nhận sau thời hạn quy định sẽ không được mở, bị loại và gửi trả nguyên vẹn cho Nhà thầu. - Trong trường hợp dịch bệnh diễn ra, trụ sở làm việc của nhà thầu ở khu vực bị cách ly hạn chế đi lại thì nhà thầu có thể gửi hồ sơ dự thầu bằng file mềm scan qua google drive có đặt mật khẩu, hồ sơ gửi trước thời điểm đóng thầu, sau thời điểm đóng thầu khoảng 30 phút nhà thầu gửi mật khẩu cho SHB
20	1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai sau thời điểm đóng thầu khoảng 30 phút trong trường hợp không bị hạn chế tiếp xúc bởi dịch bệnh, trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp phải hạn chế tiếp xúc thì SHB sẽ tiến hành mở nội bộ và gửi biên bản mở đến từng nhà thầu tham dự

CHƯƠNG III

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

VÀ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH GIÁ ĐỀ NGHỊ TRÚNG THẦU

<u>Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1</u> TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU			
Hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ bị loại, không xem xét tiếp nếu có 1 trong các nội dung sau đây không đáp ứng:			
TT	Nội dung	Đáp ứng	Không đáp ứng
1	Tính hợp lệ của đơn dự thầu		
2	Tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh		
3	Tư cách hợp lệ của nhà thầu		
4	Tính hợp lệ, sự đáp ứng của hàng hóa		
5	Có đủ 01 bản gốc và 01 bản chụp HSDT, 01 USB dữ liệu		
6	Bảo đảm dự thầu theo quy định		
7	Biểu giá chào theo quy định (đủ số lượng, giá chào bao gồm cả thuế, ...)		
8	Đồng tiền dự thầu phải là tiền Việt Nam Đồng		

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

*** Nhà thầu được đánh giá đạt yêu cầu về năng lực kinh nghiệm khi tất cả các nội dung dưới đây được đánh giá đạt:**

STT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Kinh nghiệm	
	a) Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp lắp đặt thiết bị định tuyến, chuyển mạch	Tối thiểu 05 năm
	b) Số lượng các hợp đồng tương tự đã thực hiện	Nhà thầu cung cấp ít nhất 02 hợp đồng (bản sao) cung cấp thiết bị định tuyến, chuyển mạch có giá trị từ 10 tỷ trở lên
	c) Danh sách các hợp đồng đã triển khai	Nhà thầu liệt kê các hợp đồng đã từng cung cấp thiết bị định tuyến, chuyển mạch có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên đã từng thực hiện
2	Năng lực cung cấp, triển khai	
	a) Có mối quan hệ với nhà sản xuất hoặc nhà phân phối.	Có bản sao y giấy phép bán hàng hoặc chứng nhận là đại lý bán hàng hoặc thư hỗ trợ bán hàng và bảo hành của nhà sản xuất cho đơn vị cung cấp
	b) Cán bộ triển khai	Có tối thiểu 01 chuyên gia và 03 cán bộ là nhân sự đã và đang làm việc tại đơn vị kèm theo hợp đồng lao động, chứng từ đóng bảo hiểm trong 3 tháng gần nhất, chứng chỉ liên quan cụ thể: - 01 chuyên gia có chứng chỉ CCIE - 03 cán bộ có chứng chỉ CCNA hoặc CCNP
	c) Thời gian giao hàng	06 - 08 tuần kể từ ngày ký Hợp đồng
3	Năng lực tài chính	

	a) Báo cáo tình hình tài chính b) Bảo lãnh dự thầu	Báo cáo tình hình tài chính có xác nhận của cơ quan kiểm toán hoặc bản gửi qua cổng thông tin điện tử trong 02 năm gần đây nhất, doanh thu bình quân đạt tối thiểu 30 tỷ đồng/năm và phải có lãi Có bảo lãnh dự thầu
	Kết luận	Đạt/Không đạt

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	GHI CHÚ
CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT				
I	YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ			
1	Đáp ứng về mặt cấu hình kỹ thuật của các thiết bị phần cứng và bản quyền phần mềm theo yêu cầu của HSMT	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
2	Các thiết bị phải là chính hãng và nhập khẩu chính ngạch	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
3	Các thiết bị phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, nguyên đai, nguyên kiện, được đóng gói theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
4	Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2020 hoặc 2021 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ ngày chào giá và ngừng hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật trong vòng ít nhất 08 năm (<i>có kèm theo tài liệu chứng minh của hãng hoặc thư xác nhận của hãng</i>)	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
5	Xuất xứ hàng hóa: Singapore, Malaysia, Mỹ, Nhật Bản, G7, các nước châu Âu và khu vực Trung Đông	Đáp ứng/ Không đáp ứng		

6	Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ) cấp cho SHB, chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) kèm theo: Part Number, Serial Number, phiếu bảo hành, phụ kiện, tài liệu hướng dẫn hoặc đĩa cài đặt (nếu có) và các giấy tờ khác liên quan của chính hãng theo cấu hình cung cấp	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
7	Nhà thầu có trách nhiệm giao hàng, triển khai cấu hình và lắp đặt theo đúng địa điểm yêu cầu của SHB;	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
8	Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho SHB các biên bản: Biên bản nghiệm thu, Biên bản thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính hợp lệ, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q), phiếu bảo hành thiết bị...;	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
9	Thư hỗ trợ của chính hãng đối với thiết bị cung cấp trong phạm vi Hồ sơ mời thầu này	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
II	Đào tạo và chuyển giao	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
III	Kiểm tra, bàn giao và nghiệm thu	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
IV	Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và bảo trì	Đáp ứng/ Không đáp ứng		

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4

XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ

Stt	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Xác định giá dự thầu	Theo Điều 12 Chương I
2	Sửa lỗi	Theo Điều 27 Chương I
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	Theo Điều 28 Chương I
4	Giá trị giảm giá (nếu có)	Theo thư giảm giá của nhà thầu
5	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá	Tổng của giá trị các nội dung (1)+(2)+(3)+(4)
6	Chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung (nếu có)	Không áp dụng (Nhà thầu phải chào bằng tiền Việt Nam đồng)
7	Giá đánh giá	Giá trị nội dung mục 5

PHẦN II YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP

CHƯƠNG IV YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI GÓI THẦU

1. Phạm vi của gói thầu

Nhà thầu cần thực hiện đầy đủ các công việc sau:

- Cung cấp, vận chuyển (bao gồm các thủ tục hải quan/thuế liên quan tới việc nhập khẩu hàng hóa), bàn giao, lắp đặt, triển khai, tích hợp các thành phần phần cứng, phần mềm cung cấp trong gói thầu, đáp ứng các yêu cầu của SHB được nêu trong HSMT;
- Cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật;
- Cung cấp dịch vụ đào tạo và chuyển giao công nghệ cho các cán bộ của SHB để SHB có thể quản trị, cài đặt, cấu hình và vận hành hệ thống;
- Bàn giao đầy đủ Bản quyền, bộ đĩa, tài liệu đi kèm sản phẩm, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng.

Bảng dưới đây liệt kê phạm vi cung cấp hàng hóa và dịch vụ:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	SL	Ghi chú
1	Router ISR 4331/K9	Cái	32	Thay thế cấp CN
2	Router ISR 4221X/K9	Cái	164	Thay thế cấp PGD
3	Switch C1000-24T-4G-L	Cái	54	Thay thế cấp CN/PGD

Số lượng nêu trên có thể thay đổi tăng hoặc giảm theo thực tế, thanh toán theo số lượng thực tế nghiệm thu.

CHƯƠNG V

YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Các yêu cầu chung

- Các thiết bị phải là chính hãng và nhập khẩu chính ngạch;
- Các thiết bị là đồng bộ, đảm bảo là hàng mới 100% và chưa qua sử dụng;
- Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2020 hoặc 2021 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian ít nhất 01 năm kể từ ngày chào giá (có kèm theo tài liệu chứng minh của hãng hoặc thư xác nhận của hãng);
- Xuất xứ hàng hóa: Singapore, Malaysia, Mỹ, Nhật Bản, G7, các nước châu Âu và khu vực Trung Đông;
- Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ), chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) kèm theo : Serial Number, Phiếu bảo hành...của chính hãng;
- Các thiết bị và bản quyền phần mềm cung cấp theo gói thầu phải đảm bảo thời gian bảo hành 12 tháng;
- Nhà thầu có trách nhiệm giao hàng và triển khai cấu hình, lắp đặt theo đúng địa điểm yêu cầu của SHB, kèm theo đầy đủ tài liệu hướng dẫn và đĩa cài đặt (nếu có);
- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho SHB các biên bản: Biên bản nghiệm thu, Biên bản thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính hợp lệ, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q), phiếu bảo hành thiết bị...;
- Thư hỗ trợ của chính hãng đối với thiết bị cung cấp trong phạm vi Hồ sơ mời thầu này;

2. Yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị Router, Switch

2.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với Router chi nhánh

CISCO ROUTER ISR4331/K9	
P/N	Mô tả
ISR4331/K9	Cisco ISR 4331 (2GE 2NIM 1SM 4G FLASH 4G DRAM IPB)
CON-SNT-ISR4331K	SMARTNET 8X5XNBD Cisco ISR 4331
SL-4330-IPB-K9	IP Base License for Cisco ISR 4330 Series
PWR-4330-AC	AC Power Supply for Cisco ISR 4330
CAB-ACE	AC Power Cord (Europe) C13 CEE 7 1.5M
MEM-FLSH-4G	4G Flash Memory for Cisco ISR 4300 (Soldered on motherboard)

MEM-4300-4G	4G DRAM (2G+2G) for Cisco ISR 4330 4350
NIM-BLANK	Blank faceplate for NIM slot on Cisco ISR 4400
SISR4300UK9-314S	Cisco ISR 4300 Series IOS XE Universal
NIM-ES2-8	8-port Layer 2 GE Switch Network Interface Module
SL-4330-SEC-K9	Security License for Cisco ISR 4330 Series
MEM-4300-4GU16G	4G to 16G DRAM Upgrade (8G+8G) for Cisco ISR 4330, 4350

2.2. Yêu cầu kỹ thuật đối với Router PGD

ROUTER CISCO ISR4221X/K9	
P/N	Mô tả
ISR4221X/K9	Cisco ISR 4221 (2GE,2NIM,8G FLASH,8G DRAM,IPB)
CON-SNT-ISR4221X	SNTC-8X5XNBD Cisco ISR 4221 (2GE,2NIM,4G FLASH,8G DRA)
SL-4220-SEC-K9	Security License for Cisco ISR 4220 Series
SL-4220-IPB-K9	IP Base License for Cisco ISR 4220 Series
NIM-ES2-4	4-port Layer 2 GE Switch Network Interface Module
PWR-4220-AC	AC Power Supply for Cisco ISR 4220
CAB-ACU	AC Power Cord (UK), C13, BS 1363, 2.5m
SISR4200UK9-174	Cisco ISR 4200 Series IOS XE Universal

2.3. Yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị chuyển mạch.

C1000-24T-4G-L	
P/N	Mô tả
C1000-24T-4G-L	Catalyst 1000 24port GE, 4x1G SFP
CON-SSSNT-C1024TGL	SOLN SUPP 8X5XNBD Catalyst 2960 Plus 24 10/100 + 2T/SFP LAN
CAB-ACE	AC Power Cord (Europe), C13, CEE 7, 1.5M

II. TRIỂN KHAI

3. Các yêu cầu chung

- Hệ thống được triển khai và bàn giao theo phương thức trọn gói. Vì vậy, nhà thầu đóng vai trò tích hợp hệ thống, chủ trì và phối hợp với hãng sản xuất liên quan tới các

sản phẩm trong gói thầu để thực hiện lắp đặt, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số, tinh chỉnh theo đúng kiến trúc hệ thống đảm bảo đáp ứng các yêu cầu;

- Thời gian triển khai: nhà thầu phải thực hiện hoàn thành đúng tiến độ được nêu tại Chương V;
- Việc tiếp nhận, kiểm tra, bàn giao, lắp đặt phục vụ việc cài đặt và thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển tới nơi sử dụng, lắp đặt tại nơi sử dụng được tiến hành như sau:
 - o Các trang thiết bị nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện được chuyển đến SHB được mở ra để kiểm tra danh mục, số lượng, chủng loại, đặc tính kỹ thuật xuất xứ hàng hóa theo hợp đồng;
 - o Nhà thầu bàn giao các trang thiết bị, bản quyền sử dụng, tài liệu gốc kèm theo thiết bị, giấy bảo hành;
 - o Nhà thầu triển khai việc lắp đặt, cài đặt các thiết bị tại TTDL chính của SHB tại Hà Nội.
- Phương pháp luận triển khai: Nhà thầu phải đề xuất phương pháp luận, quy trình triển khai, kế hoạch triển khai chi tiết trong HSDT;
- Địa điểm triển khai: tại các địa điểm mà SHB chỉ định;
- Trong suốt quá trình triển khai phải có sự tham gia của cán bộ SHB;
- Yêu cầu về bảo mật thông tin: cam kết không tiết lộ, sao chép, sử dụng bất cứ thông tin liên quan đến hệ thống thiết bị, cơ sở dữ liệu, dữ liệu, hệ thống ứng dụng và các thông tin khác liên quan đến việc triển khai gói thầu này dưới bất kỳ hình thức nào;
- Đội ngũ nhân sự triển khai: phải đáp ứng các yêu cầu nêu tại Mục VI - Chương VI - Phần II.
- Trước khi cài đặt, nhà thầu phải cung cấp tài liệu thiết kế, tài liệu triển khai cài đặt, cấu hình (bao gồm thứ tự các bước thực hiện, giá trị các tham số cài đặt, chi tiết các tập lệnh), tài liệu kiểm thử hệ thống. Các tài liệu này phải được phê duyệt bởi các kỹ sư triển khai chính hãng.

4. Các yêu cầu cụ thể

4.1. Lắp đặt hệ thống phần cứng

- Lắp đặt tất cả các thiết bị phần cứng được cung cấp trong phạm vi gói thầu này theo tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu của SHB;
- Xây dựng và cung cấp các tài liệu cài đặt và cấu hình hệ thống.

4.2. Cài đặt các phần mềm đi kèm thiết bị

- Nâng cấp hệ điều hành lên version mới nhất của hãng.
- Cấu hình thiết bị theo Template và thông tin của SHB gửi.
- Tối ưu hóa quá trình cài đặt hệ điều hành: gỡ bỏ các thành phần không cần thiết,
- Cung cấp các tài liệu cài đặt và cấu hình hệ thống trước và sau khi thực hiện.

III. BÀN GIAO, NGHIỆM THU

1. Bàn giao

Nhà thầu có trách nhiệm bàn giao các hạng mục chính sau:

- Toàn bộ hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Mục I.3 - Chương VI - Phần II;
- Lập Biên bản giao nhận hàng hóa về số lượng, chủng loại, cấu hình, xuất xứ của hàng hóa;
- Các tài liệu được liệt kê trong Mục II.1 - Chương VI - Phần II;
- Các nội dung khác có liên quan.

2. Nghiệm thu

Quá trình nghiệm thu thực hiện qua các giai đoạn sau:

- **Nghiệm thu sơ bộ:** sau khi nhà thầu đã hoàn thành việc bàn giao thiết bị tới các CN/PGD lắp đặt thiết bị, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số hệ thống đáp ứng yêu cầu kỹ thuật nêu tại Mục II - Chương VI;
- **Nghiệm thu tổng thể:** sau khi hoàn thành cấu hình, lắp đặt. Hệ thống được đưa vào vận hành chính thức, đáp ứng đúng, đầy đủ các yêu cầu của SHB và được SHB xác nhận bằng các biên bản bàn giao, kiểm tra, nghiệm thu trong từng giai đoạn triển khai, tích hợp, đào tạo, chuyển giao công nghệ

IV. BẢO HÀNH, HỖ TRỢ KỸ THUẬT

1. Các yêu cầu chung

- Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đáp ứng tối thiểu cơ chế 24x7x4 (24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần, thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa trong vòng 4 giờ);
- Địa điểm bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật: tại nơi lắp đặt;
- Nhà thầu phải nêu rõ các nội dung về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật trong HSDT, bao gồm cả các đề xuất với Bên mời thầu về yêu cầu thực hiện chế độ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật;
- Nhà thầu phải cung cấp thư cam kết hỗ trợ và bảo hành của nhà sản xuất đối với các thiết bị phần cứng và phần mềm đề xuất;
- Nhà thầu phải có bộ phận bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật tại Hà Nội. Bộ phận trên phải có xác nhận ủy quyền của hãng sản xuất thiết bị chào thầu (cấp bản sao giấy ủy quyền trong HSDT). Nhà thầu cần nêu rõ chế độ sau bán hàng của hãng sản xuất cũng như khả năng đáp ứng của nhà thầu, mức độ thuận tiện trong công tác bảo hành, bảo dưỡng thiết bị.

2. Bảo hành

- Thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với tất cả các thiết bị phần cứng theo yêu cầu chi tiết hàng hóa kể từ thời điểm hai bên ký biên bản nghiệm thu tổng thể hệ thống;
- Mọi chi phí liên quan đến bảo hành thuộc trách nhiệm của nhà thầu;
- Nội dung bảo hành bao gồm những công việc cụ thể sau:
 - Khắc phục và xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động;
 - Nhà thầu đề xuất phương án dự phòng đối với tất cả các thiết bị phần cứng thuộc phạm vi cung cấp trong thời gian bảo hành, đảm bảo mọi cấu phần của hệ thống không được dừng hoạt động quá 04 giờ kể từ khi SHB thông báo;
 - Đối với thiết bị phần cứng phát sinh lỗi, nhà thầu phải có thiết bị thay thế tạm thời với cấu hình tương đương nếu không xử lý được trong vòng 4h. Trường hợp các thiết bị phần cứng phải mang đi bảo hành thì thời hạn hoàn trả thiết bị tối đa là 30 ngày. Quá thời hạn này, nếu lỗi của thiết bị chưa được xử lý xong và chưa hoàn trả cho SHB thì nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế thiết bị mới 100% với cấu hình tối thiểu tương đương và tương thích với hệ thống sẵn có của SHB;
 - Kiểm tra tình trạng hoạt động và tối ưu hóa các tham số nhằm giúp cho hệ thống vận hành đạt hiệu quả tốt tối thiểu là 03 tháng/lần;
 - Thông báo cho SHB các vấn đề liên quan đến tính sẵn có của việc sửa lỗi, cập nhật tương lai và phiên bản mới của phần mềm, firmware;
 - Cung cấp, sửa lỗi, cập nhật phiên bản mới của các phần mềm, firmware theo tiêu chuẩn của hãng nếu được SHB chấp nhận;
- Sau thời hạn bảo hành, nhà thầu phải có giấy Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành của SHB.
- Trong HSDT, nhà thầu phải chào giá dịch vụ bảo hành bổ sung cho tất cả các thiết bị phần cứng với thời gian 12 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn bảo hành của gói thầu này. Dịch vụ bảo hành bổ sung này phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật được nêu trong HSMT. Phần chào giá này sẽ được xem xét như một cấu phần trong việc đánh giá HSDT. Nếu được SHB lựa chọn, hợp đồng bảo hành bổ sung sẽ được đàm phán, thương thảo và ký ngay khi hết thời gian bảo hành của gói thầu này với mức giá không vượt quá mức giá chào trong HSDT.

3. Hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 theo tiêu chuẩn chính hãng

- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với SHB hỗ trợ khai thác sử dụng hệ thống, hướng dẫn cho cán bộ kỹ thuật của SHB các tính năng của hệ thống khi SHB yêu cầu;
- Nhà thầu phải cam kết đáp ứng hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 theo tiêu chuẩn chính hãng trong thời gian bảo hành;
- Nhà thầu phải nêu rõ phương pháp tổ chức hỗ trợ kỹ thuật trong HSDT (tổ chức nhân sự, phương pháp liên lạc, quy trình xử lý yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật);

- Chế độ hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 bao gồm các yêu cầu cụ thể sau:
 - Thời gian hỗ trợ kỹ thuật: 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần;
 - Thời gian đáp ứng: trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố, nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật có mặt tại nơi phát sinh sự cố để thực hiện khắc phục;
 - Thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa 04 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố;
 - Các hoạt động hỗ trợ phải được ghi nhận nhật ký thực hiện.

V. NHÂN SỰ TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cán bộ quản trị dự án: đã quản trị tối thiểu 01 dự án tương tự trong 03 năm gần nhất.
- Đội ngũ nhân sự triển khai phải đáp ứng các yêu cầu sau: tối thiểu 01 chuyên gia về hệ thống mạng:
 - Kinh nghiệm: đã triển khai tối thiểu 01 dự án tương tự tại vị trí đảm nhiệm trong dự án này
 - Chứng chỉ : có chứng chỉ CCNA/ CCNP/CCIE
- Nhà thầu phải cam kết các nhân sự trong danh sách nêu trên sẽ triển khai trực tiếp cho dự án này. Trường hợp có sự thay đổi nhân sự triển khai, nhà thầu phải gửi thông báo chính thức tới SHB, cam kết nhân sự thay thế có trình độ tương đương và phải được chấp thuận của SHB.

PHẦN III

TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI

CHƯƠNG VI

YÊU CẦU VỀ ĐIỀU KIỆN TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI

I. Tài khoản thanh toán để thực hiện hợp đồng: Nhà thầu sau khi trúng thầu phải mở tài khoản tại SHB để thực hiện các giao dịch chuyển tiền (tạm ứng, thanh toán) tại Ngân Hàng SHB.

II. Bảng chào giá chi tiết:

- Nhà thầu chào giá chi tiết, mô tả các thông tin cơ bản về nhãn hiệu, model, năm sản xuất, cấu hình kỹ thuật, thời gian bảo hành, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế VAT, tổng giá trị đã bao gồm thuế VAT, chi tiết theo bảng dưới đây :

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, model	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tiến độ cung cấp
	Router ISR 4331/K9	Cái	32			
	Router ISR 4221X/K9	Cái	164			
	Switch C1000-24T-4G-L	Cái	54			
	Cộng (A+B)					
	Thuế VAT					
	Tổng giá trị đã bao gồm VAT					

III. Điều kiện giao hàng:

- 1. Thời gian:** Hàng hóa được giao trong vòng 06 – 08 tuần kể từ ngày ký Hợp đồng.
- 2. Địa điểm giao hàng và số lượng giao hàng dự kiến:** Giao hàng tại các địa điểm chi tiết nêu tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 của HSMT, số lượng và địa điểm giao hàng và số lượng có thể thay đổi theo thực tế và được nghiệm thu theo thực tế.

IV. Điều kiện thanh toán, bảo hành và cam kết của nhà thầu

1. Phương thức thanh toán: được chia thành 03 đợt, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Tạm ứng 20% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Đợt 2: Tạm ứng 20% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhà thầu bàn giao toàn bộ hàng hóa và nhà thầu cung cấp đầy đủ các giấy tờ sau:
 - o Đề nghị tạm ứng
 - o Thư xác nhận sản phẩm dịch vụ của chính hãng xác nhận nhà thầu đã mua đầy đủ các dịch vụ được nêu trong HSMT này đối với các hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp.
 - o Biên bản bàn giao ký xác nhận giữa hai bên
- Đợt 3: Thanh toán 55% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu tổng thể, và nhà thầu cung cấp các giấy tờ sau:
 - o Đề nghị thanh toán
 - o Hóa đơn tài chính hợp lệ
 - o Biên bản nghiệm thu tổng thể ký giữa hai bên
- Đợt 4: Thanh toán 5% còn lại sau khi hết hạn bảo hành của hàng hóa (hoặc nhà thầu có thể phát hành thư bảo lãnh).

2. Bảo hành: Thời gian bảo hành là 12 tháng cho toàn bộ các thiết bị và bản quyền phần mềm được cung cấp cho SHB.

3. Các cam kết của Nhà thầu:

- Cam kết của Nhà thầu về xuất xứ hàng hóa cung cấp, có đầy đủ CO/CQ;
- Cam kết trách nhiệm của nhà sản xuất về các sản phẩm dự thầu đối với các khiếu kiện của bên thứ ba;
- Cam kết đáp ứng phạm vi cung cấp, tiến độ triển khai, bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật sau khi ký hợp đồng;
- Đáp ứng các điều kiện thanh toán của SHB đưa ra;
- Cam kết hỗ trợ và bảo hành của nhà sản xuất đối với các thiết bị phần cứng cung cấp đáp ứng đúng và đầy đủ các yêu cầu do SHB đưa ra.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Thu Hà

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH THIẾT CHUYỂN MẠCH CẦN TRANG BỊ THEO THỐNG KÊ

STT	Tên CN	Tên CN PGD	Loại	Phân loại tài sản	Model	Số lượng
1	CN Hoàn Kiếm	PGD Tây Hồ	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
2	CN Ba Đình	PGD Cát Linh	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
3	CN Ba Đình	PGD Giảng Võ	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
4	CN Ba Đình	PGD Kim Liên	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
5	CN Ba Đình	PGD Nam Đồng	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
6	CN Ba Đình	PGD Thái Thịnh	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
7	CN Ba Đình	PGD Vương Thừa Vũ	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
8	CN Vạn Phúc	PGD Thăng Lợi	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
9	CN Vạn Phúc	PGD Hoàng Cầu	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
10	CN Thăng Long	PGD Thanh Xuân	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
11	Quảng Ninh	PGD BAI CHAY	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
12	Quảng Ninh	PGD Cẩm Tây	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
13	Quảng Ninh	PGD Cẩm Phú	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
14	Quảng Ninh	PGD Cửa Ông	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
15	CN Hưng Yên	CN Hưng Yên	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
16	CN Kinh Bắc	PGD Yên Phong	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
17	CN Lâm Đồng	PGD Đức Trọng	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
18	CN Lâm Đồng	PGD Bảo Lộc	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
19	CN Sài Gòn	CN Sài Gòn	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
20	CN Sài Gòn	PGD Nguyễn Thái Sơn	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
21	CN Sài Gòn	PGD Trường Chinh	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
22	CN Phú Nhuận	PGD Phan Văn Trị	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
23	CN Phú Nhuận	PGD Gia Định	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
24	CN Hồ Chí Minh	CN Hồ Chí Minh	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
25	CN Hồ Chí Minh	CN Hồ Chí Minh	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
26	CN Hồ Chí Minh	CN Hồ Chí Minh	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1

	Minh					
27	CN Hồ Chí Minh	CN Hồ Chí Minh	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
28	CN Hồ Chí Minh	CN Hồ Chí Minh	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
29	CN Hồ Chí Minh	PGD Chợ Lớn	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
30	CN Hồ Chí Minh	PGD Hòa Hưng	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
31	CN Hồ Chí Minh	PGD Gò Vấp	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
32	CN Hồ Chí Minh	PGD CMT8	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
33	CN Hồ Chí Minh	PGD Tân Phú	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
34	CN Hồ Chí Minh	PGD Nguyễn Thị Thập	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
35	CN Hồ Chí Minh	PGD Nguyễn Thiện Thuật	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
36	CN Hồ Chí Minh	PGD Nơ Trang Long	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
37	CN Hồ Chí Minh	PGD Cộng Hòa	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
38	CN Hồ Chí Minh	PGD Tân Bình	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
39	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
40	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
41	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
42	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
43	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
44	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
45	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
46	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
47	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
48	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	CN	Switch	C1000-24T-4G-L	1
49	CN Đồng Nai	PGD Long Thành	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
50	CN Đồng Nai	PGD Trảng Bom	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
51	CN Đồng Nai	PGD Hố Nai	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
52	CN Đồng Nai	PGD Tam Hiệp	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
53	CN Đồng Nai	PGD Long Bình Tân	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1

54	PGD Châu Đốc	PGD Châu Đốc	PGD	Switch	C1000-24T-4G-L	1
Tổng số lượng Switch Cisco C1000						54

PHỤ LỤC 02**DANH SÁCH THIẾT ĐỊNH TUYỂN CÁN TRƯỞNG BỊ THEO THỐNG KÊ**

STT	Tên CN	Tên CN/PGD	Loại	Phân loại tài sản	Model	Số lượng
1	CN Thái Nguyên	CN Thái Nguyên	CN	Router	ISR 4331/K9	1
2	CN TÂY HÀ NỘI	CN TÂY HÀ NỘI	CN	Router	ISR 4331/K9	1
3	CN Tuyên Quang	CN Tuyên Quang	CN	Router	ISR 4331/K9	1
4	Lạng Sơn	CN Lạng Sơn	CN	Router	ISR 4331/K9	1
5	CN Hải Phòng	CN Hải Phòng	CN	Router	ISR 4331/K9	1
6	CN Vĩnh Phúc	CN VĨNH PHÚC	CN	Router	ISR 4331/K9	1
7	CN Bắc Ninh	CN Bắc Ninh	CN	Router	ISR 4331/K9	1
8	CN Kinh Bắc	CN Kinh Bắc	CN	Router	ISR 4331/K9	1
9	Thái Bình	CN Thái Bình	CN	Router	ISR 4331/K9	1
10	CN Nghệ An	CN Nghệ An	CN	Router	ISR 4331/K9	1
11	CN Ninh Bình	CN Ninh Bình	CN	Router	ISR 4331/K9	1
12	CN Thanh Hoa	CN Thanh Hoa	CN	Router	ISR 4331/K9	1
13	CN Đà Nẵng	CN Đà Nẵng	CN	Router	ISR 4331/K9	1
14	CN Đà Nẵng	CN Đà Nẵng	CN	Router	ISR 4331/K9	1
15	CN Huế	CN Huế	CN	Router	ISR 4331/K9	1
16	CN Quảng Nam	CN Quảng Nam	CN	Router	ISR 4331/K9	1
17	CN Khánh Hòa	CN Khánh Hòa	CN	Router	ISR 4331/K9	1
18	CN Lâm Đồng	CN Lâm Đồng	CN	Router	ISR 4331/K9	1
19	CN Bình Dương	CN Bình Dương	CN	Router	ISR 4331/K9	1
20	CN Long An	CN Long An	CN	Router	ISR 4331/K9	1
21	CN Vũng Tàu	CN Vũng Tàu	CN	Router	ISR 4331/K9	1

22	CN Sài Gòn	CN Sài Gòn	CN	Router	ISR 4331/K9	1
23	CN Sài Gòn	CN Sài Gòn	CN	Router	ISR 4331/K9	1
24	CN Phú Nhuận	CN Phú Nhuận	CN	Router	ISR 4331/K9	1
25	CN Hồ Chí Minh	CN Hồ Chí Minh	CN	Router	ISR 4331/K9	1
26	CN Tiền Giang	CN Tiền Giang	CN	Router	ISR 4331/K9	1
27	CN Đồng Tháp	CN Đồng Tháp	CN	Router	ISR 4331/K9	1
28	CN Kiên Giang	CN Kiên Giang	CN	Router	ISR 4331/K9	1
29	CN Sóc Trăng	CN Sóc Trăng	CN	Router	ISR 4331/K9	1
30	An Giang	An Giang	CN	Router	ISR 4331/K9	1
31	CN Cần Thơ	CN Cần Thơ	CN	Router	ISR 4331/K9	1
32	CN Campuchia	CN Campuchia	CN	Router	ISR 4331/K9	1
Tổng số lượng Router ISR 4331/K40						32
1	CN Hà Nội	PGD Giang Văn Minh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
2	CN Hà Nội	PGD Lạc Trung	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
3	CN Hà Nội	PGD Hàng Cót	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
4	CN Hà Nội	PGD Hoàng Quốc Việt	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
5	CN Hà Nội	PGD Thụy Khuê	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
6	CN Hà Nội	PGD Nguyễn Văn Cừ	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
7	CN Hà Nội	PGD Bà Triệu	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
8	CN Hà Nội	PGD Thái Hà	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
9	CN Hà Nội	PGD Minh Khai	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
10	CN Hà Nội	PGD -Định Công	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
11	CN Hà Nội	Điểm GD SHS	Điểm GD	Router	ISR 4221X/K9	1
12	CN Thái Nguyên	PGD Phở Yên	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1

13	CN Thái Nguyên	PGD Lương Ngọc Quyến	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
14	CN Hoàn Kiếm	PGD Long Biên	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
15	CN Hoàn Kiếm	PGD Việt Hưng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
16	CN Hoàn Kiếm	PGD Tây Hồ	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
17	CN Đông Đô	PGD Chiến Thắng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
18	CN Đông Đô	PGD Lò Đức	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
19	CN Đông Đô	PGD Ngô Thị Nhậm	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
20	CN Đông Đô	PGD Triệu Việt Vương	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
21	CN Đông Đô	PGD Bạch Mai	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
22	CN Hàn Thuyên	PGD Hoàng Văn Thụ	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
23	CN Hàn Thuyên	PGD Lê Trọng Tấn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
24	CN Hàn Thuyên	PGD Lê Thanh Nghị	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
25	CN Ba Đình	PGD Cát Linh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
26	CN Ba Đình	PGD Giảng Võ	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
27	CN Ba Đình	PGD Kim Liên	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
28	CN Ba Đình	PGD Nam Đồng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
29	CN Ba Đình	PGD Thái Thịnh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
30	CN Ba Đình	PGD Vương Thừa Vũ	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
31	CN Hà Đông	PGD Mỗ Lao	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
32	CN Hà Đông	PGD Thành Công	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
33	CN Hà Đông	PGD Lương Thế Vinh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
34	CN Hà Thành	PGD Cầu Diễn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
35	CN Hà Thành	PGD Nghĩa Đô	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
36	CN Hà Thành	PGD Nguyễn Khánh Toàn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1

37	CN Hà Thành	PGD Trần Duy Hưng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
38	CN Vạn Phúc	PGD Tôn Đức Thắng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
39	CN Vạn Phúc	PGD Thắng Lợi	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
40	CN Vạn Phúc	PGD Tân Triều	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
41	CN Vạn Phúc	PGD Đội Cấn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
42	CN Vạn Phúc	PGD Hoàng Cầu	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
43	CN Thăng Long	PGD Đào Tấn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
44	CN Thăng Long	PGD Lạc Long Quân	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
45	CN Thăng Long	PGD Tây Sơn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
46	CN Thăng Long	PGD Thanh Xuân	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
47	CN Thăng Long	PGD Đống Đa	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
48	CN Thăng Long	PGD Hồ Gươm	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
49	CN Thăng Long	Quầy Tư vấn Viện Nhi TW	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
50	CN TÂY HÀ NỘI	PGD Nguyễn Trãi	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
51	CN TÂY HÀ NỘI	PGD Xuân Thủy	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
52	CN TÂY HÀ NỘI	PGD Trần Đăng Ninh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
53	CN TÂY HÀ NỘI	PGD Mỹ Đình	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
54	CN Kinh Đô	PGD Hoàng Mai	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
55	Lạng Sơn	PGD Hữu Lũng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
56	Quảng Ninh	PGD HA LONG	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
57	Quảng Ninh	PGD HONG HAI	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
58	Quảng Ninh	PGD BAI CHAY	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
59	Quảng Ninh	PGD HON GAI	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
60	Quảng Ninh	PGD Cẩm Phú	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1

61	Quảng Ninh	PGD Cửa Ông	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
62	Quảng Ninh	PGD Móng Cái	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
63	CN Hải Phòng	PGD Kiến An	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
64	CN Hải Phòng	PGD Sông Cấm	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
65	CN Hải Phòng	PGD Tô Hiệu	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
66	CN Hải Phòng	PGD Văn Cao	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
67	CN Hải Phòng	PGD Niệm Nghĩa	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
68	CN Hải Phòng	PGD Ngô Quyền	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
69	CN Hải Phòng	PGD Đằng Giang	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
70	CN Hải Phòng	PGD Lê Duẩn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
71	CN Vĩnh Phúc	PGD PHÚC YÊN	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
72	CN Bắc Ninh	PGD Thuận Thành	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
73	CN Bắc Ninh	PGD Đồng Kỵ	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
74	CN Hưng Yên	PGD Dân Tiến	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
75	CN Hưng Yên	PGD Như Quỳnh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
76	CN Hưng Yên	PGD Văn Giang	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
77	CN Hưng Yên	PGD Phố Hiến	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
78	CN Kinh Bắc	PGD số 1	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
79	CN Kinh Bắc	PGD Yên Phong	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
80	CN Thái Bình	PGD Tiền Hải	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
81	CN Nghệ An	PGD Hưng Dũng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
82	CN Nghệ An	PGD Diễn Châu	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
83	CN Nghệ An	PGD Thái Hòa	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
84	CN Nghệ An	PGD Hà Huy Tập	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1

85	CN Nghệ An	PGD Quỳnh Lưu	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
86	CN Nghệ An	PGD Đô Lương	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
87	CN Nghệ An	PGD Nghi Lộc	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
88	CN Ninh Bình	PGD Tam Điệp	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
89	CN Thanh Hoa	PGD Hạc Thành	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
90	CN Thanh Hoa	CN Lê Hoàn	PGD	router	ISR 4221X/K9	1
91	CN Thanh Hoa	CN Hạc Thành	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
92	CN Đà Nẵng	PGD Sông Hàn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
93	CN Đà Nẵng	PGD Sông Hàn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
94	CN Đà Nẵng	PGD Hòa Khánh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
95	CN Đà Nẵng	PGD Tây Đà Nẵng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
96	CN Đà Nẵng	PGD Thanh Bình	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
97	CN Đà Nẵng	PGD Núi Thành	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
98	CN Đà Nẵng	PGD Hòa Cường	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
99	CN Gia Lai	PGD Biển Hồ	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
100	CN Gia Lai	PGD Chư Sê	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
101	CN Quảng Nam	PGD Hội An	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
102	CN Quảng Nam	PGD Điện Bàn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
103	CN Khánh Hòa	PGD Vạn Ninh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
104	CN Bình Phước	PGD Phước Bình	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
105	CN Bình Phước	PGD Bù Đăng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
106	CN Bình Phước	PGD Chơn Thành	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
107	CN Bình Dương	PGD Thủ Dầu Một	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
108	CN Bình Dương	PGD Sóng Thần	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1

109	CN Bình Dương	PGD Bến Cát	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
110	CN Bình Dương	PGD Tân Phước Khánh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
111	CN Bình Dương	PGD Phước Vĩnh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
112	CN Bình Dương	PGD Sở Sao	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
113	CN Bình Dương	PGD Thuận An	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
114	CN Bình Dương	PGD Dĩ An	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
115	CN Bình Dương	PGD Hòa Phú	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
116	CN Sài Gòn	PGD Quận 11	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
117	CN Sài Gòn	PGD Nguyễn Thái Sơn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
118	CN Sài Gòn	PGD Trường Chinh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
119	CN Phú Nhuận	PGD Bình Điền	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
120	CN Phú Nhuận	PGD Bàu Cát	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
121	CN Phú Nhuận	PGD Phan Văn Trị	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
122	CN Phú Nhuận	PGD Gia Định	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
123	CN Phú Nhuận	PGD An Đông	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
124	CN Hồ Chí Minh	PGD Chợ Lớn	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
125	CN Hồ Chí Minh	PGD Bình Thạnh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
126	CN Hồ Chí Minh	PGD Hòa Hưng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
127	CN Hồ Chí Minh	PGD Gò Vấp	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
128	CN Hồ Chí Minh	PGD Nguyễn Thị Định	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
129	CN Hồ Chí Minh	PGD CMT8	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
130	CN Hồ Chí Minh	PGD Tân Phú	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
131	CN Hồ Chí Minh	PGD Nguyễn Thị Thập	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
132	CN Hồ Chí Minh	PGD Nguyễn Thiện Thuật	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1

133	CN Hồ Chí Minh	PGD Phú Lâm	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
134	CN Hồ Chí Minh	PGD Nơ Trang Long	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
135	CN Hồ Chí Minh	PGD Cộng Hòa	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
136	CN Hồ Chí Minh	PGD Tân Bình	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
137	CN Đồng Nai	CN Đồng Nai	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
138	CN Đồng Nai	PGD Long Thành	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
139	CN Đồng Nai	PGD Trảng Bom	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
140	CN Đồng Nai	PGD Hố Nai	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
141	CN Đồng Nai	PGD Tam Hiệp	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
142	CN Đồng Nai	PGD Long Bình Tân	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
143	CN Đồng Nai	PGD Đồng Khởi	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
144	CN Đồng Nai	PGD Biên Hòa	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
145	CN Đồng Nai	PGD Gia Kiệm	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
146	CN Tiền Giang	PGD Gò Công	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
147	CN Đồng Tháp	PGD Sa Đéc	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
148	CN Đồng Tháp	PGD Hồng Ngự	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
149	CN Kiên Giang	PGD Tân Hiệp	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
150	CN Kiên Giang	PGD Rạch Sỏi	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
151	PGD Châu Đốc	PGD Châu Đốc	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
152	PGD Mỹ Quý	PGD Mỹ Quý	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
153	PGD Bình Khánh	PGD Bình Khánh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
154	CN Cần Thơ	PGD Bình Thủy	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
155	CN Cần Thơ	PGD Phan Đình Phụng	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
156	CN Cần Thơ	PGD Xuân Khánh	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1

157	CN Cần Thơ	PGD Phong Điền	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
158	CN Cần Thơ	PGD Thạnh An	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
159	CN Cần Thơ	PGD Trần Phú	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
160	CN Cần Thơ	PGD Thốt Nốt	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
161	CN Cần Thơ	PGD An Hòa	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
162	CN Campuchia	PGD Chbar Ampov	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
163	CN Campuchia	PGD Por Senchey	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
164	CN Campuchia	PGD Nehru	PGD	Router	ISR 4221X/K9	1
Tổng số lượng Router ISR 4221X/K9						164